|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN ĐIỆN BIÊN** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV, NĂM 2023**  **HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM**  **ĐỀ CHÍNH THỨC - ĐỊA LÍ 10** |

**A. Hướng dẫn chấm**

- Chấm theo biểu điểm đã được thống nhất của ban tổ chức.

- Nội dung có thang điểm lớn, giám khảo chia nhỏ tiếp tới 0,25 điểm và không làm tròn điểm toàn bài.

- Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh trả lời đúng, đủ ý và diễn đạt tốt.

- Thí sinh có cách diễn đạt khác so với đáp án, song vẫn đúng bản chất yêu cầu câu hỏi, vẫn cho đủ điểm ý đó

**B. Biểu điểm chấm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung chính cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu I** | **1** | ***Trình bày và giải thích hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo vĩ độ trong ngày 22/12.*** | ***2,00*** |
|  | *\* Trình bày:* | *0,5* |
| - Ở xích đạo quanh năm có ngày dài bằng đêm = 12 giờ. |  |
| - Càng xa xích đạo chênh lệch ngày đêm càng lớn. |  |
| - Bán cầu Bắc có ngày ngắn hơn đêm, càng về cực Bắc đêm càng dài ra ngày ngắn lại, từ vòng cực Bắc đến cực Bắc có đêm dài suốt 24 giờ, không có ngày. |  |
| - Bán cầu Nam có ngày dài hơn đêm, càng về cực Nam đêm càng ngắn lại ngày dài ra, từ vòng cực Nam đến cực Nam có ngày dài suốt 24 giờ, không có đêm. |  |
| *\* Giải thích:* | *1,5* |
| - Trái Đất hình cầu, trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương. Khi chuyển động quanh Mặt Trời đường phân chia sáng tối thường xuyên thay đổi. | *0,25* |
| - Tại xích đạo, đường phân chia sáng tối chia xích đạo thành hai phần bằng nhau. | 0,25 |
| - Càng xa xích đạo đường phân chia sáng tối càng lệch so với trục Trái Đất, phần chiếu sáng và phần khuất tối lệch nhau càng lớn nên chênh lệch ngày đêm càng nhiều. | 0, 5  0,5 |
| - Từ vòng cực Bắc đến cực Bắc đường phân chia sáng tối nằm hoàn toàn phía sau trước vòng cực Bắc; Từ vòng cực Nam đến cực Nam đường phân chia sáng tối nằm hoàn toàn phía sau vòng cực Nam. |
| **2** | ***Phân tích mối quan hệ giữa đất và sinh vật. Tại sao đá mẹ và sinh vật là hai nhân tố quan trọng nhất tác động trực tiếp tới sự hình thành đất?*** | *2,00* |
|  | *\* Mối quan hệ giữa đất và sinh vật.* | ***1,0*** |
| - Tác động của sinh vật đến đất: Sinh vật có vai trò chủ đạo trong sự hình thành đất | 0,5 |
| + Thực vật cung cấp vật chất hữu cơ cho đất (lá rụng, cành khô..), rễ cây phá hủy đá. |  |
| + Vi sinh vật phân giải xác sinh vật tổng hợp thành mùn |  |
| + Sinh vật sống trong đất góp phần làm biến đổi tính chất lí, hóa của đất. |  |
| - Tác động của đất đến sinh vật: Các đặc tính lí, hóa, độ phì của đât ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của thực vật (Đất đỏ vàng ở vùng nhiệt đới và xích đạo có tầng dày, ẩm, giàu dinh dưỡng, sinh vật phát triển; Đất ngập mặn ven biển có các cây ưa mặn như sú, đước, vẹt....) | 0, 5 |
| *\* Đá mẹ và sinh vật là hai nhân tố quan trọng nhất tác động trực tiếp tới sự hình thành đất vì* | *1,0* |
| - Hai thành phần quan trọng của đất là vô cơ và hữu cơ. Thành phần vô cơ gồm các khoáng vật có trong đất và thành phần hữu cơ là chất mùn của đất. | 0,5 |
| - Thành phần vô cơ do đá mẹ tạo nên, còn chất mùn là do sinh vật tạo nên, do vậy đây là hai thành phần quan trọng nhất tác động trực tiếp tới sự hình thành đất. | 0,25 |
| **Câu II** | **1** | ***Chứng minh địa đới là qui luật phổ biến của các thành phần địa lí. Tại sao có sự phân hóa đa dạng của các thành phần tự nhiên và cảnh quan?*** | ***2,00*** |
|  | *\* Chứng minh địa đới là qui luật phổ biến của các thành phần địa lí* | *1,00* |
| - Từ Bắc cực đến Nam cực có 7 vòng đai nhiệt: kể tên | 0,25 |
| - Trên bề mặt Trái Đất có 7 đai khí áp, 6 đới gió: kể tên | 0,25 |
| - Từ cực về xích đạo có 7 đới khí hậu: kể tên | 0,25 |
| *-*  Từ cực về xích đạo có 10 nhóm đất, 10 kiểu thảm thực vật: kể tên | 0,25 |
| *\* Tại sao có sự phân hóa đa dạng của các thành phần tự nhiên và cảnh quan?* | *1,00* |
| - Các thành phần tự nhiên và cảnh quan thiên nhiên đều chịu tác động đồng thời của nguồn năng lượng bức xạ mặt trời và năng lượng trong lòng Trái Đất. | 0,5 |
| - Năng lượng BXMT là nguồn gốc, động lực của các quá trình tự nhiên, sự phân bố theo đới của BXMT tạo ra tính địa đới của thành phần tự nhiên, thay đổi từ xích đạo về cực. | 0,25 |
| - Năng lượng trong lòng Trái Đất đã phân chia bề mặt Trái Đất thành lục địa và đại dương, địa hình núi cao làm cho thiên nhiên phân hóa theo kinh độ và độ cao. | 0,25 |
| **2** | ***Những nguyên nhân nào làm phát sinh dòng biển? Biển và đại dương có vai trò như thế nào đối với đời sống con người? Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau?*** | ***2,00*** |
|  | *\* Nguyên nhân nào làm phát sinh dòng biển* | *0,5* |
| - Xung lực cơ học trên mặt như sức gió |  |
| - Sự chênh lệch mực nước, nhiệt độ, độ mặn, tỉ trọng giữa các khối nước. |  |
| - Các loại gió thường xuyên… |  |
| *\***Biển và đại dương có vai trò như thế nào đối với đời sống con người?* | *1,00* |
| – Là nguồn cung cấp hơi nước vô tận cho khí quyển, điều hòa khí hậu.  – Là kho tài nguyên: hải sản, khoáng sản, năng lượng thủy triều.  **-** Là nguồn hóa học to lớn với trên 70 nguyên tố hóa học khác nhau.  – Là “chiếc cầu nối liền giữa các lục địa với nhau”, là đường giao thông vận tải hết sức rộng lớn.  – Là nơi nghỉ ngơi, an dưỡng và du lịch hấp dẫn. |  |
| *Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau?* | 0,5 |
| Độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau, vì nó phụ thuộc vào tương quan giữa độ bốc hơi với lượng mưa và lượng nước sông từ các lục địa đổ ra. |  |
| **Câu III** | **1** | ***Những nguyên nhân nào làm nhiệt độ không khí giảm? Phân tích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí.*** | ***2,00*** |
|  | *\* Nguyên nhân làm nhiệt độ không khí giảm* | 1,0 |
| – Khối không khí bị bốc lên cao. | 0,25 |
| – Khối không khí di chuyển tới một vùng lạnh hơn. | 0,25 |
| – Khối không khí di chuyển qua dòng biển lạnh. | 0,25 |
| – Sự tranh chấp giữa hai khối khí có nhiệt độ và độ ẩm khác nhau. | 0,25 |
|  | *\* Phân tích sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí.* | 1,0 |
| - Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ trung bình năm càng giảm (d/c) do góc nhập xạ giảm dần. Tuy nhiên nhiệt độ trung bình năm thường cao nhất ở chí tuyến. | 0,5 |
| - Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt năm tăng (d/c) do chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng (ngày và đêm) trong năm càng lớn. Ở vĩ độ cao, mùa hạ có góc chiếu sáng lớn, thời gian chiếu sáng dài (dần đến 6 tháng ở cực), mùa đông góc chiếu sáng nhỏ, thời gian chiếu sáng ít dần (tới 6 tháng đêm ở cực) | 0,5 |
| **2** | ***Giải thích tại sao ở Xích đạo là vùng có góc nhập xạ lớn nhất nhưng nhiệt độ trung bình năm ở khu vực này lại thấp hơn vùng chí tuyến? Biến đổi khí hậu tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của con người như thế nào?*** | ***2,00*** |
|  | *\* Giải thích tại sao ở Xích đạo là vùng có góc nhập xạ lớn nhất nhưng nhiệt độ trung bình năm ở khu vực này lại thấp hơn vùng chí tuyến?* | *1,00* |
| – Nhiệt độ không khí phụ thuộc vào nhiều yếu tố: góc nhập xạ, thời gian chiếu sáng, bề mặt đệm, hoàn lưu khí quyển, con người. | 0,5 |
| – Xích đạo thấp hơn chí tuyến là do có nhiệt độ cao, bốc hơi mạnh, lượng mưa lớn, diện tích đại dương, rừng rậm lớn nên hấp thu nhiệt ít hơn. | 0,25 |
| - Chí tuyến có áp cao cận chí tuyến thường xuyên ngự trị, có dòng giáng, trời quang ít mây, mưa; lớp phủ thực vật kém phát triển, diện tích lục địa lớn, hấp thụ nhiệt nhiều hơn. | 0,25 |
| *\*Biến đổi khí hậu tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của con người như thế nào?* | *1,00* |
| - Thu hẹp diện tích đất nông nghiệp |  |
| - Gia tăng thiên tai, dịch bệnh. |  |
| - Làm suy thoái rừng, gia tăng nguy cơ cháy rừng. |  |
| - Tăng diện tích đất nhiễm mặn, hoang mạc hóa. |  |
| - Giảm năng suất, chất lượng nông sản… |  |
| **Câu IV** | **1** | ***Phân biệt gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học.*** | ***2,00*** |
|  | - Khái niệm:  + Gia tăng tự nhiên: Là sự chệnh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô  + Gia tăng cơ học: Là sự chệnh lệch giữa số người xuất cư và nhập cư | 0,5 |
| - Công thức tính  + Gia tăng tự nhiên: Tg = S - T  + Gia tăng cơ học: G = Nc - Xc | 0,25 |
| - Các bộ phận  + Gia tăng tự nhiên: sinh thô và tử thô  + Gia tăng cơ học: xuất cư và nhập cư | 0,25 |
| - Ý nghĩa  + Gia tăng tự nhiên: là nhân tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng quyết định đến biến động dân số của một quốc gia và trên toàn thế giới, được coi là động lực phát triển dân số.  + Gia tăng cơ học: không ảnh hưởng lớn đến dân số nói chung nhưng đối với từng khu vực, từng quốc gia lại có ý nghĩa quan trọng | 1,0 |
| **2** | ***Phân tích tác động của đô thị hóa đến kinh tế ở các nước đang phát triển.*** | ***1,00*** |
|  | - Thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động , góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế | 0,25 |
| - Tiêu thụ khối lượng hàng hóa lớn, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, phát triển hạ tầng đô thị. | 0,25 |
| *-* Gây quá tải về y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm… ô nhiễm môi trường. | 0,25 |
| *-* Tăng sự chênh lệch trong phát triển kinh tế giữa thành thị và nông thôn. | 0,25 |
| **Câu V** | **1** | ***Phân biệt khái niệm GDP và GNI. Tại sao các nước đang phát triển cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ?*** | ***2,00*** |
| *\* Phân biệt khái niệm GDP và GNI* | 1,0 |
| - Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là tổng giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định. | 0,5 |
| - Tổng thu nhập quốc gia (GNI) là tổng thu nhập từ vật chất và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước tạo ra trong một khoảng thời gian nhất định. | 0,5 |
| *\* Tại sao các nước đang phát triển cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ?* | 1,0 |
| - Các nước đang phát triển đa số là các nước nghèo, nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tê, tốc độ phát triển kinh tế chậm, muốn có tốc độ tăng trưởng cao và đảm bảo sự ổn định về kinh tế- xã hội, cần phải có hệ thống ngành công nghiệp hiện đại, đa dạng.  - Nhân tố tác động đến cơ cấu kinh tế luôn thay đổi, nên sự chuyển dịch là tất yếu, phù hợp với qui luật vận động của tự nhiên, kinh tế, xã hội.  - Sự chuyển dịch gắn liền với xu hướng chung của thế giới và khu vực. | 0,5  0,25  0,25 |
| **2** | ***Tính năng suất cao su của thế giới giai đoạn 1985 – 2019. Nhận dạng biểu đồ. Nhận xét và giải thích*** | ***3,00*** |
| a  b  c | *Tính năng suất* | *1,00* |
| - Lập bảng: Năng suất cao su của thế giới giai đoạn 1985 – 2019 (tạ/ha) |  |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1985** | **1995** | **2000** | **2010** | **2019** | | Năng suất | 7,02 | 8,73 | 9,39 | 8,77 | 10,54 |   *\* Chọn biểu đồ:* **Đường** |  |
| *Nhận xét và giải thích* | *1,00* |
| *Nhận xét:*  - Sản lượng và diện tích cao su thế giới đều tăng liên tục, nhưng tăng không đều:  + Sản lượng tăng nhanh hơn: Năm 2018 tăng 3,5 lần so với 1985.  + Diện tích tăng chậm hơn: Năm 2018 tăng 2,3 lần so với 1985.  - Năng suất cao su tăng nhưng biến động: Từ 1985 đến 2000 tăng từ 7,02 tạ/ha lên 9,39 tạ/ha; từ 2000 đến 2010 giảm từ 9,39 tạ/ha xuống 8,77 tạ/ha; từ 2010 đến 2919 lại tăng từ 8,77 tạ/ha lên 10,54 tạ/ha. |  |
| *Giải thích:*  - Sản lượng và diện tích cao su đều tăng do:  + Có nhiều điều kiện về tự nhiên thuận lợi để đẩy mạnh trồng cây cao su.  + Các nhân tố kinh tế xã hội chi phối, nhất là nhu cầu và giá cả của thị trường.  - Sản lượng tăng nhanh hơn diện tích do áp dụng khoa học kĩ thuật trong trồng cao su làm cho năng suất tăng nhanh, sản lượng tăng cao hơn.  - Năng tăng do áp dụng khoa học kĩ thuật trong sản suất, có biến động do yếu tố thời tiết và nhu cầu thị trường nên tốc độ tăng sản lượng chậm hơn diện tích, năng suất biến động nhẹ. | 1,0 |
| **TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI THI, 5 CÂU** | | | **20,00** |

**-------------- HẾT --------------**